CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 096/EB/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368 Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **PHÔ MAI GRUYERE – MPX**
2. Thành phần: Sữa bò tươi, muối, men lactic, rennet bò.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 60 ngày kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 200 g hoặc khối lượng khác theo nhu cầu khách hàng.
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói trực tiếp bằng bao bì nhựa PE/PET.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): MONTS ET TERROIRS – Rte De Chalain, 39570 Vevy, France (Pháp).

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu lý hóa:** theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định
1	Hàm lượng chất béo sữa, tính theo chất khô	%	Từ 45 đến dưới 60

2. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

3. **Chỉ tiêu kim loại nặng**: theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,02

4. **Chỉ tiêu vi sinh vật**: theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép			
		n	c	m	M
1	*Staphylococci* dương tính với coagulase	5	2	10^4 CFU/g	10^5 CFU/g
2	*Listeria monocytogenes*	5	0	100 CFU/g	
3	*Salmonella*	5	0	Không phát hiện trong 25 g	

Trong đó:

- n: số đơn vị mẫu được lấy từ lô hàng cần kiểm tra.
- c: số đơn vị mẫu tối đa có kết quả nằm giữa m và M, tổng số mẫu có kết quả nằm giữa m và M vượt quá c là không đạt.
- m: là mức giới hạn mà các kết quả không vượt quá mức này là đạt, nếu các kết quả vượt quá mức này thì có thể đạt hoặc không đạt.
- M: là mức giới hạn tối đa mà không mẫu nào được phép vượt quá.

5. **Chỉ tiêu dư lượng thuốc thú y và thuốc bảo vệ thực vật:** theo QCVN 5-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Benzylpenicilin/Procain benzylpenicilin	µg/kg	4
2	Clortetracyclin/Oxytetracyclin/ Tetracyclin	µg/kg	100
3	Dihydrostreptomycin/Streptomycin	µg/kg	200
4	Gentamicin	µg/kg	200
5	Spiramycin	µg/kg	200
6	Endosulfan	mg/kg	0,01
7	Aldrin và dieldrin	mg/kg	0,15
8	Cyfluthrin	mg/kg	1,0
9	DDT	mg/kg	0,5

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất lượng và Vệ sinh ATTP Toàn Quốc

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

PHÔ MAI GRUYERE – MPX

Thành phần: Sữa bò tươi, muối, men lactic, rennet bò.

Thông tin dinh dưỡng: Thành phần dinh dưỡng trên 100 g: Giá trị năng lượng 396 kcal (20%); Chất đạm 27 g (24%); Chất béo 32 g (57%); Chất béo bão hòa 21 g (105%); Natri 393 mg (20%).

Khối lượng tịnh: 200 g

Dùng trực tiếp hoặc chế biến món ăn. Bảo quản lạnh ở nhiệt độ từ 4 °C đến 8 °C.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất bởi: MONTS ET TERROIRS – Rte De Chalain, 39570 Vevy, France (Pháp).

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, 163 Phan Đăng Lưu, P. 1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Cân nhắc khi sử dụng nếu dị ứng với sữa.

Số TCB: 096/EB/2023

82

SERVICE CLIENTS MONOPRIX
0 800 08 4000
Service & appel gratuits

Distribué par MONOPRIX EXPLOITATION
92116 Clichy Cedex www.monoprix.fr

PENSEZ AU TRI !
film plastique à jeter

consigne pouvant varier localement
> www.consignesdetri.fr

FR
39.558.001
CE

Conditionné par Monts et Terroirs 39570 Vevy.

87728
ID=A2
EMB 39558

3 350033 397620

MONOPRIX
Gourmet

GRUYÈRE FRANCE

au lait cru

200 g

GRUYÈRE FRANCE IGP – FROMAGE À PÂTE PRESSÉE CUITE

INGRÉDIENTS
Lait cru de vache (origine France) - sel - ferments lactiques (contient *lait*) - présure bovine.
Les informations en *gras* sont destinées aux personnes intolérantes ou allergiques.

INFORMATIONS NUTRITIONNELLES MOYENNES

	Pour 100 g
Energie	1643 kJ 396 kcal
Matières grasses	32 g
dont acides gras saturés	21 g
Glucides	0 g
dont sucres	0 g
Fibres	0 g
Protéines	27 g
Sel	1 g

CONDITIONS DE CONSERVATION
À conserver entre +4°C et +8°C.
À consommer rapidement après ouverture.

À consommer de préférence avant le / N° de lot : voir en face avant.

Conditionné sous atmosphère protectrice.

POIDS NET : 200 g

Ngày 22 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB
M.S.D.N: 0105606842-C.T.T.N.H.H
Q. PHÚ NHUẬN - T.P. HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ MINH TRANG
Giám Đốc Chất Lượng và Vệ Sinh ATTP Toàn Quốc

TRANSLATION
BẢN DỊCH

MONOPRIX
Gourmet

PHÔ MAI GRUYERE - MPX
PHÁP

làm từ sữa tươi

200 g

Hình ảnh minh họa

CHỈ DẪN ĐỊA LÝ
ĐƯỢC BẢO HỘ

Gruyere
Pháp

GRUYÈRE FRANCE IGP – FROMAGE À PÂTE PRESSÉE CUITE

INGRÉDIENTS
Lait cru de vache (origine France) - sel - ferments lactiques (contient *lait*) - présure bovine.
Les informations en *gras* sont destinées aux personnes intolérantes ou allergiques.

INFORMATIONS NUTRITIONNELLES MOYENNES	Pour 100 g
Energie	1643 kJ 396 kcal
Matières grasses	32 g
dont acides gras saturés	21 g
Glucides	0 g
dont sucres	0 g
Fibres	0 g
Protéines	27 g
Sel	1 g

CONDITIONS DE CONSERVATION
À conserver entre +4°C et +8°C.
À consommer rapidement après ouverture.

À consommer de préférence avant le / N° de lot : voir en face avant.

Conditionné sous atmosphère protectrice.

POIDS NET : 200 g

PHÔ MAI GRUYERE PHÁP
IGP – PHÔ MAI ÉP CHÍN

THÀNH PHẦN
Sữa bò tươi (nguồn gốc từ Pháp) – muối – men lactic (có chứa ***sữa***) – rennet bò.
Thông tin ***in đậm*** dành cho những người không dung nạp hoặc dị ứng.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH	MỖI 100 g
Năng lượng	1643 kJ 396 kcal
Chất béo trong đó axit béo bão hòa	32 g 21 g
Cacbohydrate trong đó đường	0 g 0 g
Chất xơ	0 g
Protein	27 g
Muối	1 g

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN
Bảo quản ở nhiệt độ từ +4°C và +8°C.
Tiêu thụ nhanh chóng sau khi mở.

Hạn sử dụng / Số lô : xem phía trước bao bì.

Được đóng gói trong môi trường bảo vệ.

KHỐI LƯỢNG TỊNH : 200 g

SERVICE CLIENTS MONOPRIX

0 800 08 4000

Service & appel gratuits

Distribué par MONOPRIX EXPLOITATION
92116 Clichy Cedex www.monoprix.fr

PENSEZ AU TRI !

film plastique à jeter

consigne pouvant varier localement
> www.consignesdetri.fr

FR
39.558.001
CE

Conditionné par Monts et Terroirs 39570 Vevy.

87728
ID=A2
EMB 39558

3 350033 397620

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
0 800 08 4000
Dịch vụ và cuộc gọi miễn phí

Phân phối bởi **MONOPRIX EXPLOITATION**
92116 Clichy Cedex www.monoprix.fr

HÃY PHÂN LOẠI RÁC!
Màng nhựa dùng 1 lần
Hướng dẫn có thể thay đổi theo từng địa phương
> www.consignesdetri.fr

Đóng gói bởi Monts et Terroirs 39570 Vevy.

87728
ID=A2
EMB 39558

3 350033 397620

Tôi, **Đinh Nguyễn Thị Sương**, Căn cước công dân số 054191009351, cam đoan đã dịch chính xác nội dung giấy tờ/văn bản này từ tiếng Pháp sang tiếng Việt.

Ngày 03 tháng 03 năm 2023

Người dịch

Đinh Nguyễn Thị Sương

Ngày 03 tháng 03 năm 2023
(Bằng chữ: Ngày ……ba…….... tháng ……ba……
Năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại Ủy Ban Nhân Dân Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Tôi, Trần Ngọc Thảo
Là Phó Trưởng phòng Tư pháp

CHỨNG THỰC:
Bà **Đinh Nguyễn Thị Sương** là người đã ký vào bản dịch này ~~trước mặt tôi~~.

031560

Số chứng thực:
Quyển số: 01- SCT/CKND
Ngày 03 tháng 03 năm 2023

Phó Trưởng Phòng Tư Pháp Quận Phú Nhuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
Q. PHÚ NHUẬN - T.P HỒ CHÍ MINH

Trần Ngọc Thảo

Trang/ *Page No*: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200390-7

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 08/02/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 08/02/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 14/02/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **PHÔ MAI GRUYERE - MPX**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200390-7

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Béo sữa (tính trên chất khô) / Milk fat (calculated on dry matter)	49.2	%	-	TS-KT-HCB-018:2018 (Ref, TCVN 7084:2010)
2	LS	Aflatoxin M_1 (*) / Aflatoxin M_1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.008	TS-KT-SK-39:2018 (Ref. TCVN 6685:2009)
3	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
4	LS	Staphylococci dương tính với coagulase (*) / Coagulase-positive staphylococci (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999, AMD1:2003)
5	LS	Listeria monocytogenes (*) / Listeria monocytogenes (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	ISO 11290-2:2017
6	LS	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
7	LS	Penicillin G (Benzylpenicillin) (*) / Penicillin G (Benzylpenicillin) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	1.7	TS-KT-SK-114 (CLG-BLAC.03)
8	LS	Penicillin G procaine (Procaine benzylpenicillin) / Penicillin G procaine (Procaine benzylpenicillin)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	10	TS-KT-SK-114:2020
9	LS	Chlortetracycline (*) / Chlortetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.5	TS-KT-SK-08:2019 (Ref. AOAC 995.09)
10	LS	Oxytetracycline (*) / Oxytetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.5	TS-KT-SK-08:2019 (Ref. AOAC 995.09)
11	LS	Tetracycline (*) / Tetracycline (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.5	TS-KT-SK-08:2019 (Ref. AOAC 995.09)
12	LS	Dihydrostreptomycin / Dihydrostreptomycin	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	50	TS-KT-SK-86:2020
13	LS	Streptomycin / Streptomycin	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	10	TS-KT-SK-56:2018
14	LS	Gentamicin / Gentamicin	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	50	TS-KT-SK-86:2020
15	LS	Spiramycin (*) / Spiramycin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	3	TS-KT-SK-86
16	LS	Endosulfan (tổng của endosulfan I, endosulfan II và endosulfan sulfate quy về endosulfan) / Endosulfan (sum of endosulfan I, endosulfan II and endosulfan sulfate expressed as endosulfan)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-14:2020

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230200390-7

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
17	LS	Aldrin và dieldrin (HHDN+HEOD) / Aldrin and dieldrin (HHDN+HEOD)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
18	LS	Cyfluthrin sum (*) / Cyfluthrin sum (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
19	LS	DDT (tổng p,p´-DDT, o,p´-DDT, p,p´-DDE, p,p´-TDE) / DDT (sum p,p´-DDT, o,p´-DDT, p,p´-DDE, p,p´-TDE)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-14:2020

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT TECHNICAL MANAGER	GIÁM ĐỐC DIRECTOR
NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN	ĐOÀN HỮU LƯỢNG

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
M.S.D.N: 0314212616 - C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*